TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày: 09/01/2024
V/v Tranh chấp QSD đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Nghĩa
2. Bà Huỳnh Kim Phượng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Hồ Quế Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*** *tham gia phiên tòa*: Ông Trần Long Châu – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 09 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 300/2022/TLST- DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp QSD đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2023/QĐXX-ST, ngày 28 tháng 11 năm 2023 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1958, nơi cư trú ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

2. *Bị đơn*:

1/ Ông Trần Hoàng S, sinh năm 1962

2/ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1958 (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: Số B, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông S có Ông Dương Hiền H2, sinh năm 1960, nơi cư trú số D, N, phường E, Q, TP HCM. Địa chỉ tạm trú số H, Lê Văn V, phường C, quận B, TP .. (Văn bản ủy quyền ngày 27/11/2023) (Có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Lê Thị Nga E, sinh năm 1957 nơi cư trú ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

3. 2 Anh Nguyễn Thành M, sinh năm 1977 nơi cư trú ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

3.3 Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985 nơi cư trú ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nga E, anh M, Chị T có Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1958, nơi cư trú ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 21/10/2022, 14/12/2022) (Có mặt)

3.4 Bà Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1963 nơi cư trú số F, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

3. 5 Ông Nguyễn Thế Thanh N, sinh năm 1980 nơi cư trú số F, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

3. 6 Ông Nguyễn Thế T1, sinh năm 1925, nơi cư trú ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2022 của nguyên đơn và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Thành H trình bày:

Ông Nguyễn Thành H có phần đất thửa số 92, tờ bản đồ số 19 diện tích 434,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận ngày 30/2/2019 cho Hộ ông Nguyễn Thành H và bà Lê Thị Nga E. Nguồn gốc thửa đất này trước đây ông Lê Bá L chuyển nhượng cho ông Lương Hồng D, đến năm 1997 ông D mới chuyển nhượng lại cho ông Hoàng H (Lúc chuyển nhượng đất do ông Lê Bá L đứng tên nên làm hợp đồng chuyển nhượng với ông L), Ông Nguyễn Thành H nhận đất, hoàn tất thủ tục sang tên và được cấp QSD đất năm 2001 đến năm 2019 ông Nguyễn Thành H được cấp đổi QSD đất thửa số 92, tờ bản đồ số 19 diện tích 434,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận ngày 30/2/2019 cho Hộ ông Nguyễn Thành H và bà Lê Thị Nga E (Diện tích đất có giảm so với diện tích đất được cấp giấy lần đầu do ông H hiến đất làm đường giao thông nông thôn).

Giáp với thửa đất của hộ ông H là đất của bà Nguyễn Thị B thửa 1198 (theo chương trình đất), thửa mới số 80, tờ bản đồ số 19. Bà B đã chết không để lại di chúc, bà B có 04 người con Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Thu H3, Nguyễn Thị Thu T2, Nguyễn Thế Thanh N) phần đất này hiện do con gái Nguyễn Thị H1 và con rể Trần Hoàng S quản lý sử dụng thửa số 80 (giáp ranh đất ông H), khi nhận chuyển nhượng đất từ ông Lê Bá L thì có ranh giới giữa đất L và đất bà B rõ ràng. Từ khi Ông H sử dụng phần đất này thì ông và bà B sử dụng ổn định không tranh chấp cho đến tháng 3 năm 2022 ông chuẩn bị xây dựng hàng rào làm ranh thì phía ông S và bà H1 ngăn cản tranh chấp ranh với ông H và chỉ qua đất ông H ngang khoảng 1,2m dài hết thửa đất số 92 khoảng 14m cho rằng đất của phía bà H1, ông S nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Ông Nguyễn Thành H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Hoàng S và bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Thu H3, Nguyễn Thế Thanh N trả lại phần đất lấn chiếm ngang khoảng 1,2m dài 14,67m diện tích khoảng 17,6m^2 thuộc thửa số 92,

tờ bản đồ số 19 diện tích 434,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cho hộ ông H và bà E. Ông H có ý kiến thống nhất kết quả đo đạc, định giá của Tòa án ông có sửa đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Hoàng S và bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Thu H3, Nguyễn Thế Thanh N trả lại phần đất tranh chấp theo kết quả đo đạc là 11m^2 thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 19 diện tích 434,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cho hộ ông H và bà E.

** Ý kiến trình bày của bị đơn bà H1:*

Nguồn gốc đất của bị đơn được mẹ là bà Nguyễn Thị B cho vào khoảng năm 1995 -1996, khi đó bà H1, ông S, bà H3, ông N vẫn sống chung nhà với bà B, khoảng năm 1995-1996 thì bà B đã chia đất cho các con xong nhưng bà B vẫn đứng tên đất cho đến năm 2005 bà qua đời, khi đó bà H3 và anh N mới ra cất nhà ở riêng, ông S và bà H1 ở căn nhà của bà B. Bà Nguyễn Thị B có 04 người con là Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Thu H3, Nguyễn Thị Thu T2, Nguyễn Thế Thanh N, Ông Nguyễn Thế T1 là chồng sau của bà B. Khi bà B chết năm 2005 không để lại di chúc nhưng trước khi bà B chết đã chia đất cho các con xong nhưng chưa sang tên cho từng người, năm 2017 thì hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị B có ra phòng công chứng làm tờ tự phân chia di sản của bà B để lại theo như bà B đã tặng cho trước khi chết nhưng không thành và thửa đất số 80 đang tranh chấp là chia cho bà Nguyễn Thị Hồng l rồi. Ông Nguyễn Thế T1 là chồng sau của bà Nguyễn Thị B cha ruột của N, T2 không sống chung nhà với bà B mà ông T1 thỉnh thoảng lên ở vài ngày rồi về nhà ông ở huyện T. (Khi đó làm thủ tục nhận thừa kế bà T2 và ông T1 có ý kiến từ chối không nhận tài sản).

Tất cả đất bà B đứng tên là do cha ruột của bà Ba t cho không liên quan đến ông T1. Thửa đất số 80 (thửa cũ 1198 DT 440m^2), TBĐ số 19 là phần đất bà B cho bà H1 và ông S chưa hoàn tất thủ tục sang tên, phần đất này nằm cặp ranh với đất của ông Nguyễn Thành H, ranh lúc đầu có mương nhưng hiện nay đã san lấp và thành đất liền, hiện là đất trống, bà thống nhất ranh đất cắm tới nữa gốc cây còng. Cây còng hiện nay đã chết chỉ còn gốc dùng làm trụ ranh. Phần đất thửa 80 có diện tích có tăng lên do phía gia đình bà H1 có lấy 1 phần đất ruộng san lấp lên nên diện tích tăng lên so với QSD đất cũ chứ trước giờ đất phía bị đơn hơn 600m^2. Về giấy chứng nhận QSD đất bản gốc sau khi bà Nguyễn Thị B chết thì ông Nguyễn Thế Thanh N giữ, Tòa án đã giải thích yêu cầu công chứng nộp bản sao nhưng do ông N sợ bà H1 lấy nên không cho mượn để công chứng nộp cho Tòa án mà yêu cầu ông N làm thì ông N không làm, không hợp tác để đi giải quyết việc ranh gấp với ông H vì N bận đi làm hồ.

Bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn vì bị đơn sử dụng đúng ranh đất không có lấn ranh đất của nguyên đơn. Bị đơn thống nhất kết quả đo đạc và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

**Đại diện bị đơn ông S có ông Dương Hiền H2 trình bày*: Thống nhất lời trình bày của bà Nguyễn Thị H1.

**Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Nguyễn Thị Thu H3 thống nhất ý kiến của bị đơn bà H1. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Vì đất này trước giờ gia đình bà H1 sử dụng đúng ranh đất như vậy nhưng do khi bà B còn sống

hai bên không có nói gì cắm ranh và khi ông H2 mua đất về sinh sống thì hai bên vẫn sử dụng không tranh chấp đất vẫn là đất trống chỉ có cây cỏ tạp mọc, nhưng sau khi bà B chết thì phía ông H2 tiến hành xây dựng hàng rào mới tranh chấp ranh với bà H1, ông S.

* Ý kiến người liên quan phía nguyên đơn bà E, chị T, anh M thống nhất ý kiến ông Nguyễn Thành H.

**Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn ông Nguyễn Thành H trình bày: Ông Nguyễn Thành H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Hoàng S và bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Thu H3, Nguyễn Thế Thanh N trả lại phần đất lấn chiếm khoảng 11m^2 thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 19 diện tích 434,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cho hộ ông H và bà E (Theo số liệu đo đạc thực tế vì khi khởi kiện ông chỉ ước tính nên không chính xác).

- Bị đơn bà H1 trình bày: Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì không có lấn chiếm đất của nguyên đơn.

- Ý kiến đại diện theo ủy quyền của ông S do ông Dương Hiền H2 trình bày: Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì không có lấn chiếm đất của nguyên đơn.

-Ý kiến bà H3: Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bị đơn không có lấn chiếm đất của nguyên đơn.

- Ý kiến ông Nguyễn Thành H là đại diện cho bà Nga E, anh M, chị T: Thống nhất ý kiến nguyên đơn.

- Ý kiến ông Lương Hồng D: Ông là người bán đất cho ông H nguồn gốc đất là trước đây ông mua của ông Lê Bá L, ông nhận đất canh tác được 2 năm thì bán lại cho ông H, khi ông mua đất từ ông L thì không có làm thủ tục sang tên nên không có đo đạc, khi ông bán lại cho ông H thì ông H mới làm thủ tục đo đạc sang tên nên ông H cắm ranh với bà Ba thế n thì ông không biết, còn khi bán cho ông H thì có chỉ cây còng làm ranh vì lúc đó chưa có cắm trụ ranh cụ thể vì không có đo đạc.

** Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, ông N chưa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng

- Về nội dung:

Căn cứ Điều 166,170 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 147, 157, 165, 227,228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành H. Buộc ông Trần Hoàng S và bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Thu H3, Nguyễn Thế Thanh N có nghĩa vụ giao trả lại phần đất diện tích 11m^2 thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 19 diện tích 434,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cho hộ ông Nguyễn Thành H và bà Lê Thị Nga E.

2. Về chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Thành H đã tạm nộp chi hết số tiền 4.792.000 đồng nên buộc ông Trần Hoàng S và bà Nguyễn Thị H1 phải có trách nhiệm trả lại ông Nguyễn Thành H số tiền là 4.792.000 đồng chi phí đo đạc, định giá.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H1, ông Trần Hoàng S, bà Nguyễn Thị Thu H3 có đơn xin miễn án phí vì là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí cho các ông bà. Buộc ông Nguyễn Thế Thanh N phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Thành H có đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1958 và ông Trần Hoàng S, sinh năm 1962 cùng nơi cư trú số B, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long tranh chấp quyền sử dụng đất thửa số 92, tờ bản đồ số 19 diện tích 434,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất tranh chấp ranh tại thửa đất số 80 (thửa củ 1198 diện tích 440m^2), TBĐ số 19 do bà Nguyễn Thị B (đã chết đứng tên QSD đất), bà B chết không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của bà B Tòa án đã đưa tham gia tố tụng nhưng có bà Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1977 (Tên Đài Loan : JUAN,CHIU –SHUI) đang sinh sống địa chỉ số A, Ngõ A, đường D, Cụm A, phường C, Khu H, Thành phố T, Trung Quốc. Xét thấy, đây là tranh chấp QSD đất (ranh đất) diện tích tranh chấp không lớn, hiện nay người đang quản lý sử dụng trực tiếp phần đất này là bị đơn ông S và bà H1 nên việc Tòa án không đưa bà Nguyễn Thị Thu T2 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án củng không ảnh hưởng quyền lợi ích của bà T2. Do đó, căn cứ Khoản 9 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Ngày 04 tháng 12 năm 2023 ông Nguyễn Thế T1 có đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt ông T1. Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ dự phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham dự phiên tòa sơ thẩm cho ông Nguyễn Thế Thanh N đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông N hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay vắng mặt ông

N. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thế Thanh N.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Nguồn gốc phần đất tranh chấp trước đây là của ông Lê Bá L chuyển nhượng cho ông Lương Hồng D năm 1994, đến ngày 17/6/1997 ông Lương Hồng D mới chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Thành H, (Nhưng đất do ông Lê Bá L đứng tên nên khi làm thủ tục sang tên thì làm với ông Lê Bá L) Ông H đã nhận đất canh tác năm 1997, hoàn tất thủ tục sang tên và được cấp QSD đất năm 2001. Năm 2019 ông Nguyễn Thành H được cấp đổi QSD đất thành thửa số 92, tờ bản đồ số 19 diện tích 434,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận ngày 30/2/2019 cho Hộ ông Nguyễn Thành H và bà Lê Thị Nga E.

[2.2] Nguồn gốc phần đất bị đơn bà H1 và ông S đang quản lý sử dụng là do mẹ ruột bà H1 tên Nguyễn Thị B (đã mất năm 2005) tặng cho năm 1995-1996 thửa số 1198, diện tích 440m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận ngày 22/1/1991 cho bà Nguyễn Thị B. (Theo chương trình đất ghi nhận thửa mới 80 diện tích 636m^2, tờ bản đồ số 19).

[2.3] Về phần đất tranh chấp theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/11/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L thì phần đất nguyên đơn tranh chấp có diện tích là 11m^2, trên phần đất tranh chấp theo biên bản định giá tài sản ngày 09/3/2023 thì trên đất không có vật kiến trúc hay cây trồng gì khác.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành H yêu cầu buộc ông Trần Hoàng S và bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Thu H3, Nguyễn Thế Thanh N trả lại phần đất lấn chiếm khoảng 11m^2 thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 19 diện tích 434,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cho hộ ông H và bà E là hoàn toàn có cơ sở bởi vì:

[3.1] Căn cứ kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/11/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L xác định phần đất mà nguyên đơn ông H đang quản lý sử dụng còn lại của thửa 92 có diện tích 365,2m^2 (92-1) (giảm 69,2 m^2 so với diện tích đất mà ông H, bà E được cấp QSD), phần đất mà bị đơn bà H1, Ông S quản lý sử dụng thửa 80 (1198) có diện tích 518m^2 (80-1) (tăng 78m^2 so với diện tích đất mà bà B được cấp QSD đất).

[3.2] Căn cứ kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/11/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L xác định phần đất tranh chấp 11m^2 thuộc thửa 92 của hộ ông Nguyễn Thành H và bà Lê Thị Nga E.

[3.3] Mặt khác, trong quá trình sử dụng đất từ khi ông Nguyễn Thành H nhận chuyển nhượng đất từ ông Lê Bá L, ông H và bà B sử dụng ổn định ranh đất không có tranh chấp, phần đất tranh chấp do ông H sử dụng, ông S và bà H1 là người được bà Nguyễn Thị Ba t1 cho đất, đang trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất số 80 chưa hoàn tất được thủ tục thừa kế để được đứng tên QSD đất cho nên ngoài lời trình bày của ông, bà ra thì ông bà không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh lời nói củ ông, bà cũng như tại phiên tòa hôm nay phía ông H cũng không thừa nhận có sự việc ranh đất là giữa

gốc cây còng đã chết nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét ý kiến của bị đơn.

[4] Về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá phía nguyên đơn đã tạm nộp chi số tiền 4.792.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu số tiền này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hoàng S, bà Nguyễn Thị H1 có đơn xin miễn án phí do ông, bà là người cao tuổi nên căn cứ Điều 12, 15 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội miễn án phí cho bà H1, ông S. Do ông Nguyễn Thành H là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí nên không có nộp tạm ứng án phí.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 9 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39,147,157,165, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 100, 166, 167 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H. Buộc ông Trần Hoàng S và bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Thu H3, Nguyễn Thế Thanh N trả lại phần đất diện tích 11m^2 thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 19 diện tích 434,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cho hộ ông Nguyễn Thành H và bà Lê Thị Nga E. (Có trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/11/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L kèm theo).

2. Về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá: Ông Nguyễn Thành H đã tạm nộp chi hết số tiền 4.792.000 đồng nên buộc ông Trần Hoàng S và bà Nguyễn Thị H1 phải có trách nhiệm trả lại ông Nguyễn Thành H số tiền là 4.792.000 đồng. (Bốn triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H1 và ông Trần Hoàng S.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo các Điều 6,7, 7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai nguyên đơn, đại diện bị đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Thế Thanh N, ông Nguyễn Thế T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND. Tỉnh Vĩnh Long 01;
- VKSND.H Long Hồ 01;
- Chi cục THADS.H Long Hồ 01;
- Các đương sự 09;
- Lưu hồ sơ 03.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Diễm